

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST.

Ngày: 27/9/2022.

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ngọc và bà Nguyễn Thị Sương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST- DS ngày 10/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐST- DS ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B;

Địa chỉ: Tầng N, Tòa nhà T, số M, đường T, quận Hoàng K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K.

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Văn M; chức vụ: Phó Trưởng phòng Hỗ trợ hoạt động - Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K. Có mặt.

Địa chỉ: Số P, đường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hồng A, sinh năm 1982 và anh Phan Văn C, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/05/2022 của Ngân hàng TMCP B, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn M trình bày:

Vào ngày 09/8/2019 chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: HDTD6402019786 với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K để vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay vốn:

Mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 09/8/2019 đến hết ngày 09/8/2022. Lãi suất cho vay: 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay, chị A và anh C đã trả cho Ngân hàng 37.503.002 đồng tiền gốc. Đến tháng 01/2022 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, nên căn cứ khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng nói trên ngày 04/01/2022 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và nhiều lần liên hệ, đơn đốc trả tiền, tuy nhiên, chị A và anh C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tổng số tiền chị A và anh C còn nợ tính đến ngày 27/9/2022 là 14.432.468 đồng. Trong đó, tiền gốc là 12.496.998 đồng, tiền lãi quá hạn là 738.051 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 1.197.419 đồng.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 12.1 Điều 12 của hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị A và anh C phải trả số tiền 14.432.468 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/09/2022 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Về án phí: bị đơn phải chịu.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu tập của Tòa án cho chị A và anh C nhưng chị A và anh C không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị A và anh C cũng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:***

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị A và anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C phải trả các khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2022 là 14.432.468 đồng cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong, mức lãi suất theo Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị A và anh C phải trả cho ngân hàng tổng số tiền 14.432.468 đồng. Trong đó, tiền gốc là 12.496.998 đồng; tiền lãi quá hạn là 738.051 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 1.197.419 đồng tính đến 27/9/2022 và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi chị A và anh C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi đã thỏa thuận Hợp đồng tín dụng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K đã thông báo việc khởi kiện của nguyên đơn cho bị đơn và thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn chị A và anh C tham gia tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị A và anh C không tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, từ bỏ quyền của mình. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án. Thấy rằng: Chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C đã ký hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: HDTD6402019786 với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K với Ngân hàng vào ngày 09/8/2019 để vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay trong hạn, quá hạn, kỳ hạn trả nợ như Ngân hàng trình bày ở trên là có căn cứ và hợp đồng hợp pháp. Việc ký hợp đồng của các bên được ký kết trực tiếp, theo sự tự nguyện, xác định hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C đã trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K số tiền gốc 37.503.002 đồng đồng, đến tháng 01/2022 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nêu trên, khởi kiện bị đơn chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 14.432.468 đồng x 5% = 721.623 đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, đơn đề ngày 04/5/2022.

- Buộc chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K số tiền tổng cộng là 14.432.468 đồng (*Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*). Trong đó, tiền gốc là 12.496.998 đồng, tiền lãi quá hạn là 738.051 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 1.197.419 đồng tính đến 27/9/2022.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C không chịu trả số tiền phải trả thì anh C và chị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời chậm thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thời gian tính lãi kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong.

- Về án phí:

+ Chị Lê Thị Hồng A và anh Phan Văn C phải chịu 721.623 đồng (*Bảy trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 334.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000853 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung

